

## THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN (THE PAST SIMPLE)

### I Cách dùng của thì quá khứ đơn

Thì quá khứ đơn được dùng để diễn tả những hành động đã xảy ra và kết thúc trong .....

Ví dụ:

Yesterday, I went to bed late. (*Hôm qua tôi đã đi ngủ muộn.*)

### II Dạng thức của thì quá khứ đơn

#### 1. Với động từ to be

Dạng khẳng định

You, We, They, Noun<sub>plural</sub> + .....

I, He, She, It, Noun<sub>singular</sub> + .....

Ví dụ:

Yesterday they were at school. (*Hôm qua bọn họ ở trường.*)

She was 14 years old last year. (*Năm ngoái cô ấy 14 tuổi.*)

Dạng phủ định

You, We, They, Noun<sub>plural</sub> + were ...../weren't...

I, He, She, It, Noun<sub>singular</sub> + was ...../ wasn't...

Ví dụ:

Yesterday they were not/weren't at school. (*Hôm qua bọn họ đã không ở trường.*)

She was not/wasn't 14 years old last year. (*Năm ngoái cô ấy không phải 14 tuổi.*)

Dạng nghi vấn

..... + you, we, they, noun<sub>plural</sub> ...?

..... + I, he, she, it, noun<sub>singular</sub> ...?

Ví dụ:

Were they at school yesterday? (*Hôm qua bọn họ có ở trường không?*)

Was she 14 years old last year? (*Năm ngoái cô ấy có phải 14 tuổi không?*)

#### 2. Với động từ thường

Dạng khẳng định

S + V<sub>ed</sub>/ V<sub>2</sub> + ....

Ví dụ:

My family went to the cinema last week. (*Tuần trước gia đình tôi đã đi xem phim.*)

Dạng phủ định

S + ..... + V + ...

Ví dụ:

My family didn't go to the cinema last week. (Tuần trước gia đình tôi đã không đi xem phim.)

Dạng nghi vấn

Câu hỏi không có từ để hỏi:

Hỏi: ..... + S + V + ...?

Trả lời: Yes, S + ...../ No, S + .....

Ví dụ:

Did your family go to the cinema last week? (Tuần trước gia đình bạn có đi xem phim không?)

Yes, we did. (Có, chúng tôi có đi.)

No, we didn't. (Không, chúng tôi không đi.)

Câu hỏi có từ để hỏi:

Hỏi: Question word + did + S + V?

Trả lời: S + V<sub>ed</sub>/ V<sub>2</sub> ...

Ví dụ:

Where did your family go last week? (Gia đình bạn đã đi đâu vào tuần trước?)

My family went to the cinema last week. (Tuần trước gia đình tôi đã đi xem phim.)

### **III Dạng quá khứ của động từ thường**

#### **1. Dạng quá khứ của động từ theo quy tắc**

Động từ theo quy tắc

Thêm ..... vào sau những động từ theo quy tắc khi chia ở thì quá khứ đơn.

Ví dụ:

Last year, she worked for a big company. (Năm ngoái, cô ấy đã làm việc cho một công ty lớn.)

Last night, he watched a football match. (Đêm qua anh ấy đã xem bóng đá.)

Quy tắc thêm -ed

Động từ kết thúc bằng -e: Thêm ..... vào sau động từ.

Ví dụ:

arrive - arrived

Động từ có một âm tiết hoặc có hai âm tiết nhưng trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 và động từ

đó kết thúc bằng một nguyên âm + một phụ âm: ..... phụ âm cuối và thêm -ed.

Ví dụ:

stop - stopped, prefer - preferred

Động từ kết thúc bằng một phụ âm và -y: Bỏ ..... và thêm .....

Ví dụ:

study - studied

Động từ kết thúc bằng một nguyên âm và -y: Thêm ..... vào sau động từ.

Ví dụ:

play - played

## 2. Dạng quá khứ của động từ bất quy tắc

Động từ bất quy tắc: Không thêm ..... vào phía sau những động từ bất quy tắc.

Ví dụ:

I went to see the doctor this morning. (Tôi đã đi gặp bác sĩ sáng nay.)

When I was on the way home yesterday, I saw my friend. (Trên đường về nhà ngày hôm qua, tôi đã gặp một người bạn.)

Cách chia động từ bất quy tắc: Xem ở cột ..... trong bảng động từ bất quy tắc hoặc tra từ điển dạng thức quá khứ của các động từ này.